

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2023/HS-ST

Ngày: 31 – 10 – 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Rạt

Bà Lê Thị Xuân Đào

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Trị – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 158/2023/TLST-HS, ngày 10 tháng 10 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2023/QĐXXST – HS ngày 17 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Trần Văn H; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không có.

Ngày, tháng, năm sinh: 01/01/1994; Nơi sinh: tỉnh An Giang.

Nơi cư trú: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh An Giang.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 06/12; Nghề nghiệp: không; Chức vụ trước khi phạm tội: không.

Họ và tên cha: Trần Văn T (chết).

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1962 (sống).

Anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh năm 1988.

Vợ: Nguyễn Thị Thanh T1, sinh năm 1999 (chưa đăng ký kết hôn).

Con ruột: không có.

Tiền án: có 02 tiền án:

Tại Bản án số 14/HSST ngày 24/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xử phạt Trần Văn H 01 năm 03 tháng tù, về tội Trộm cắp tài

sản. H chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/4/2015, nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng vào tháng 01 năm 2016, chưa bồi thường phần dân sự 7.000.000 đồng.

Tại Bản án số 151/2017/HSST ngày 02/11/2017 của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt Trần Văn H 18 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản. Trần Văn H chấp hành xong hình phạt tù ngày 20/12/2018, chưa nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chưa bồi thường phần dân sự 1.000.000 đồng, chưa chấp hành xong bản án, thuộc trường hợp tái phạm.

Tiền sự: có 01 tiền sự: Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0015904/QĐ-XPHC ngày 14/6/2022 của Công an xã M, huyện C, tỉnh An Giang xử phạt Trần Văn H 1.500.000 đồng, về hành vi đánh bạc trái phép. H chấp hành xong quyết định ngày 24/6/2022.

Về nhân thân: có 01 lần bị xử phạt vi phạm hành chính và 02 lần bị xử lý hành chính:

Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 130 ngày 26/7/2013 của Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương xử phạt Trần Văn H 2.500.000 đồng, về hành vi xâm hại sức khỏe của người khác. H chưa chấp hành xong quyết định, hết thời hiệu thi hành quyết định, đã được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Tại Quyết định số 3501/QĐ-UB.NC ngày 04/11/2009 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang quyết định đưa vào Trường G đối với Trần Văn H, thời hạn 24 tháng về hành vi trộm cắp tài sản. Hiếu chấp hành xong quyết định ngày 01/12/2012, đã được coi là chưa bị xử lý hành chính.

Tại Quyết định số 85/2015/QĐ-TA ngày 10/12/2015 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Trần Văn H, thời hạn 12 tháng. Hiếu chấp hành xong quyết định ngày 02/9/2016, đã được coi là chưa bị xử lý hành chính.

Bị cáo Trần Văn H đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/6/2023 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Long An, bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: Trần Trung N; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không có.

Ngày, tháng, năm sinh: 24/10/1997; Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: không; Chức vụ trước khi phạm tội: không.

Họ và tên cha: Trần Quốc T2, sinh năm: 1974 (sống).

Họ và tên mẹ: Phan Thị Lệ T3, sinh năm: 1973 (sống).

Anh, chị, em ruột: có 01 người em sinh năm 2000; Vợ, con: không có.

Tiền án: có 01 tiền án:

Tại Bản án số 21/2022/HS-ST ngày 26/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Trần Trung N 01 năm 06 tháng tù, về tội Trộm cắp tài sản. Trần Trung N chấp hành xong án phạt tù ngày 26/12/2022, nộp xong 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 400.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ngày 21/7/2022, chưa bồi thường phần dân sự 8.000.000 đồng.

Tiền sự: không.

Bị cáo Trần Trung N đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/6/2023 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Long An, bị cáo có mặt.

Bị hại:

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Bà Ngô Thị Thanh T4, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp F, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Phan Thị Lệ T3, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Ông Nguyễn Võ Thanh D, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Ông Đinh Văn H1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số A, ấp H, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Minh N1, sinh năm 2000.

- Bà Mai Thị Kim D1, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Ông Mai Thành H2, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ ngày 14/6/2023, bị cáo Trần Trung N và bị cáo Trần Văn H gặp nhau tại khu vực xã M, huyện Đ, tỉnh Long An. Bị cáo N rủ bị cáo H đi tìm tài sản chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài, bị cáo H đồng ý. Khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 50Y1-393.26 chở bị cáo H đi đến trước cửa tiệm cắt tóc hiệu Mỹ Ngọc của bà Mai Thị Kim D1 thuộc ấp D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An, nhìn thấy có xe mô tô biển số 62P1-490.41 do ông Nguyễn Văn L mượn của Nguyễn Võ Thanh D để sử dụng, đang dựng trước cửa tiệm, trên xe có gắn sẵn chìa khóa công tắc điện không có người trông giữ, cả hai thống nhất cùng nhau chiếm đoạt xe này. Bị cáo N dùng xe ngoài lộ cách cửa tiệm khoảng 20m cảnh giới, còn bị cáo H lén lút đi bộ đến nơi để xe mô tô mở chìa khóa công tắc điện nổ máy xe mô tô biển số 62P1-490.41 điều khiển chạy đi, ông L phát hiện tri hô, bị cáo H điều khiển xe bỏ chạy được khoảng 200m bị người dân bắt giữ giao Công an xã Đ, huyện Đ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo H và giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Long An điều tra giải quyết, riêng bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 50Y1-393.26 tẩu thoát đến ngày 17/6/2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Vật chứng tạm giữ gồm có:

- 01 xe mô tô biển số 62P1-490.41, có một chìa khóa màu đen.
- 01 áo khoác dài tay màu xanh đen, không nhãn hiệu (loại áo có nón trùm đầu) của Trần Văn H mặc lúc trộm cắp xe mô tô biển số 62P1-490.41.
- Một đoạn camera ghi hình thời lượng 10 giây, trích xuất ngày 14/6/2023 trước cửa tiệm cắt tóc hiệu Mỹ Ngọc.

Tại Kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐGTS ngày 17 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Long An, kết luận: xe mô tô biển số 62P1-490.41 trị giá 6.000.000 đồng (thời điểm định giá ngày 14/6/2023).

Quá trình điều tra, bị cáo N và bị cáo H còn khai nhận: Khoảng 22 giờ ngày 10/6/2023, bị cáo Trần Trung N điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại Airblade màu xanh đen, biển số 50Y1- 393.26 chở bạn gái của bị cáo N tên H3 (không rõ nhân thân, lai lịch) đến chơi game tại địa điểm trò chơi bắn cá không biển hiệu thuộc ấp M, xã M, huyện Đ, tỉnh Long An và gặp bị cáo Trần Văn H tại đây.

Khoảng 01 giờ ngày 11/6/2023, do không có tiền tiêu xài nên bị cáo N rủ bị cáo Trần Văn H đi tìm tài sản chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài, bị cáo H đồng ý (H3 không biết việc bị cáo N và bị cáo H đi tìm tài sản chiếm đoạt). Lúc này, bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 50Y1- 393.26 chở bị cáo H từ điểm trò chơi bắn cá nêu trên đến huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đi trên nhiều tuyến đường tìm tài sản của người dân để sơ hở chiếm đoạt nhưng không thấy. Khoảng 02 giờ cùng ngày, khi đến dãy nhà trọ số G, ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo N dừng xe lại, bị cáo H kêu bị cáo N ở bên ngoài canh giới, nổ máy xe mô tô chờ sẵn, còn bị cáo H đi bộ vào bên trong dãy nhà trọ. Khi bị cáo H đi đến phòng trọ của vợ chồng ông Đinh Văn H1 và bà Ngô Thị Thanh T4 nhìn thấy cửa phòng mở, bên trong có dựng xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, biển số 69N1-592.68. Bị cáo H lén lút đi vào phòng trọ lấy xe mô tô này đẩy ra ngoài chỗ bị cáo N đang đứng đợi. Bị cáo N điều khiển xe mô tô biển số 50Y1- 393.26 dùng chân đẩy xe mô tô vừa trộm cắp được do bị cáo H điều khiển tẩu thoát về gần địa điểm trò chơi bắn cá thuộc ấp M, xã M, huyện Đ cất giấu. Sau đó, bị cáo N đem xe mô tô biển số 69N1-592.68 đến điểm trò chơi bắn cá nêu trên bán cho người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ với giá 7.500.000 đồng, bị cáo N chia cho bị cáo H 4.000.000 đồng và giữ lại 3.500.000 đồng, bị cáo N và bị cáo H tiêu xài hết. Sau đó, ông H1 và bà T4 phát hiện xe mô tô trên bị mất trộm nên đến Công an xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo vụ việc.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành tạm giữ vật chứng và giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Long An điều tra giải quyết, gồm có:

- 01 xe mô tô hiệu Hon da, loại Airblade màu xanh đen, biển số 50Y1-393.26.

- 01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh, có sọc ngang 04 màu: màu xanh da trời, màu trắng xanh lá cây, màu hồng, màu nâu, trước ngực áo bên trái có túi, có chữ GENUINE; 01 quần Jeans lửng màu xanh, có chữ FASHION JEANS; 01 nón bảo hiểm màu đỏ, trắng, có chữ VISACOOP là tài sản của Trần Trung N.

- 03 đoạn camera ghi hình có chứa hình ảnh của H và N chiếm đoạt xe mô tô tại địa chỉ số G, ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Kết luận định giá tài sản số 100/KL-HĐĐGTS ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng hình sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận xe mô tô biển số 69N1-592.68 trị giá 18.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 162/CT – VKSDH ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An truy tố bị cáo Trần Văn H

về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần Trung N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Bị hại là ông Nguyễn Văn L trình bày: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 14/6/2023, ông có mượn xe mô tô biển số 62P1-490.41 của cháu ông là Nguyễn Võ Thanh D để đi hớt tóc, ông hớt được 05 phút thì phát hiện một nam thanh niên trộm xe ông, ông tri hô cùng người dân bắt giữ giao công an. Do đã nhận lại tài sản nên ông không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo H, bị cáo N.

Bị hại là bà Ngô Thị Thanh T4 trình bày: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 11/6/2023, bà bị mất trộm xe mô tô biển số 69N1-592.68 do bà đứng tên giấy đăng ký xe. Xe bà mất không thu hồi lại được nên bà T3 là mẹ ruột bị cáo N có thỏa thuận bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Do bà đã nhận đủ số tiền bồi thường nên bà không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo H, bị cáo N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Phan Thị Lệ T3 trình bày: Bà là chủ sở hữu xe mô tô biển số 50Y1- 393.26. Bà là mẹ ruột bị cáo N, bà cho bị cáo N mượn làm phương tiện đi lại, sau đó bà nhận thông báo từ công an là xe bị tạm giữ. Trong quá trình điều tra, bà được biết bị cáo H và bị cáo N còn trộm xe mô tô biển số 69N1-592.68 của bà T4 và không thu hồi được nên bà đã thỏa thuận với bà T4 bồi thường số tiền 20.000.000 đồng. Bà không có yêu cầu bị cáo H và bị cáo N trả lại số tiền mà bà đã bồi thường cho bà T4.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Võ Thanh D trình bày: Ông là chủ sở hữu xe mô tô biển số 62P1-490.41. Ngày 14/6/2023, ông có cho ông Nguyễn Văn L mượn xe, sau đó bị mất trộm. Do đã nhận lại tài sản nên ông không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo H, bị cáo N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Đinh Văn H1: Ông là chồng bà Ngô Thị Thanh T4. Khoảng 22 giờ, vợ chồng ông đi ngủ không đóng cửa phòng trọ mà chỉ khép lại. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 11/6/2023, vợ chồng ông thức giấc thì phát hiện mất xe mô tô biển số 69N1-592.68. Do bà T4 đã nhận đủ số tiền bồi thường từ gia đình bị cáo N nên ông không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo H, bị cáo N.

Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo Trần Văn H và bị cáo Trần Trung N gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn H và bị cáo Trần Trung N2 tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 329 Bộ luật

Tổ tụng Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Trung N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không đề cập xem xét.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo H và bị cáo N nộp sung ngân sách Nhà nước tiền thu lợi bất chính từ việc bán xe mô tô biển số 69N1-592.68 với số tiền 7.500.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với 03 đoạn camera ghi hình có chứa hình ảnh của H và N chiếm đoạt xe mô tô tại địa chỉ số G, ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 đoạn camera ghi hình thời lượng 10 giây, trích xuất ngày 14/6/2023 trước cửa tiệm cắt tóc hiệu M, là vật chứng liên quan đến vụ án. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử lưu hồ sơ vụ án để làm chứng cứ.

- Đối với xe mô tô biển số 50Y1- 393.26 là tài sản của bà Phan Thị Lệ T3 (mẹ ruột của bị cáo N), do bà T3 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký. Ngày 10/6/2023 và ngày 14/6/2023 bà T3 cho bị cáo N mượn xe mô tô biển số 50Y1-393.26 sử dụng và không biết việc bị cáo N sử dụng xe làm phương tiện thực hiện tội phạm. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T3 ngày 08/9/2023, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

- Đối với xe mô tô biển số 69N1-592.68 là tài sản của bà Ngô Thị Thanh T4, do bà T4 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký. Ngày 11/6/2023, bà T4 dựng xe tại phòng trọ nêu trên thì bị các bị cáo Trần Văn H và bị cáo Trần Trung N chiếm đoạt. Đến ngày 04/8/2023, bà Phan Thị Lệ T3 (mẹ ruột bị cáo N) đã tự nguyện thỏa thuận với ông Đinh Văn H1 (người đại diện theo ủy quyền của bà T4) bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, ông H1 đã nhận đủ tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường thêm về trách nhiệm dân sự và có ý kiến bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo N, bà T3 không yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền bồi thường nêu trên, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

- Đối với xe mô tô biển số 62P1-490.41 là tài sản của ông Nguyễn Võ Thanh D, do ông D đứng tên giấy chứng nhận đăng ký. Ngày 14/6/2023, ông D

cho ông Nguyễn Văn L mượn xe để sử dụng thì bị cáo Trần Trung N và bị cáo Trần Văn H chiếm đoạt, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông L ngày 09/9/2023. Sau đó, ông D nhận lại xe mô tô biển số 62P1-490.41 do ông L trả. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 áo khoác dài tay màu xanh đen, không nhãn hiệu (loại áo có nón trùm đầu) thu giữ của bị cáo Trần Văn H; Một áo sơ mi ngắn tay màu xanh, có sọc ngang 04 màu: màu xanh da trời, màu trắng xanh lá cây, màu hồng, màu nâu, trước ngực áo bên trái có túi, có chữ GENUINE, 01 quần Jeans lưng màu xanh, có chữ FASHION JEANS và 01 nón bảo hiểm màu đỏ, trắng, có chữ VISACOOP thu giữ của bị cáo Trần Trung N, đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ có hành vi mua xe mô tô biển số 69N1-592.68 do bị cáo Trần Trung N và bị cáo Trần Văn H phạm tội mà có, không xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên không có căn cứ xử lý.

Đối với bà Phan Thị Lệ T3 có hành vi cho bị cáo Trần Trung N mượn xe mô tô biển số 50Y1- 393.26 để sử dụng, không biết việc bị cáo N sử dụng xe làm phương tiện thực hiện tội phạm nên hành vi của bà T3 không cấu thành tội phạm có liên quan.

Tại phiên tòa, bị cáo H và bị cáo N thừa nhận hành vi của mình đúng như Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo không tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng là hối hận về hành vi phạm tội của mình chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo sớm trở về lo làm ăn, sửa đổi để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

[1.2.1]. Đối với ông Nguyễn Văn L, bà Ngô Thị Thanh T4 là bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Nguyễn Võ Thanh D, ông Đinh Văn H1 vắng mặt. Xét bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tuy vắng nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ, vụ án không có tình tiết mâu thuẫn so với lời nhận tội của bị cáo nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt và công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[1.2.2]. Đối với ông Nguyễn Minh N1, bà Mai Thị Kim D1, ông Mai Thành H2 là người làm chứng vắng mặt nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ để xác định sự thật vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. *Hành vi phạm tội của bị cáo:*

[2.1]. Bị cáo Trần Văn H và bị cáo Trần Trung N có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Văn L, bà Ngô Thị Thanh T4 với giá trị tổng tài sản là 24.000.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H và bị cáo N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu về thời gian, địa điểm, loại tài sản, giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt, ý kiến của kiểm sát viên. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Trần Văn H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần Trung N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2]. Hành vi trái pháp luật của bị cáo H và bị cáo Nghĩa là nguy hiểm cho xã hội, với động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[2.3]. Hành vi của bị cáo H và bị cáo N thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Các bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự đồng ý của

chủ sở hữu. Các bị cáo cũng nhận biết việc lén lút lấy trộm tài sản của ông Nguyễn Văn L, bà Ngô Thị Thanh T4 là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ các bị cáo xem thường pháp luật. Hành vi của bị cáo H và bị cáo N phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ. Vì vậy, cần áp dụng Điều 173, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra; Đồng thời, cần cách ly bị cáo H và bị cáo N ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện cải tạo và sửa chữa lỗi lầm của mình, trở thành người có ích cho xã hội.

[3]. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo H và bị cáo Nghĩa tình t giảm nhẹ, tăng nặng:

[3.1]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H và bị cáo N luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo N đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo N có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Văn H, bị cáo Trần Trung N phạm tội 02 lần trở lên, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì bị cáo H và bị cáo N còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết là hoàn toàn phù hợp.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Trần Văn H nộp 4.000.000 đồng và bị cáo Trần Trung N nộp 3.500.000 đồng tiền thu lợi bất chính nộp sung ngân sách Nhà nước là hoàn toàn phù hợp.

[6]. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với xe mô tô biển số 50Y1- 393.26 là tài sản của bà Phan Thị Lệ T3 (mẹ ruột của bị cáo N), do bà T3 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký. Ngày 10/6/2023 và ngày 14/6/2023 bà T3 cho bị cáo N mượn xe mô tô biển số 50Y1-393.26 sử dụng và không biết việc bị cáo N sử dụng xe làm phương tiện thực hiện tội phạm. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà T3 ngày 08/9/2023, nên không đề cập xem xét là hoàn toàn phù hợp.

- Đối với xe mô tô biển số 69N1-592.68 là tài sản của bà Ngô Thị Thanh T4, do bà T4 đứng tên giấy chứng nhận đăng ký. Ngày 11/6/2023, bà T4 dựng xe tại phòng trọ nêu trên bị các bị cáo Trần Văn H và bị cáo Trần Trung N chiếm đoạt. Đến ngày 04/8/2023, bà Phan Thị Lệ T3 (mẹ ruột N) đã tự nguyện thỏa thuận với ông Đinh Văn H1 (người đại diện theo ủy quyền của bà T4) bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, ông H1 đã nhận đủ tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường thêm về trách nhiệm dân sự và có ý kiến bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo N, bà T3 không yêu cầu bị cáo N trả lại số tiền bồi thường nêu trên, nên không đề cập xem xét là hoàn toàn phù hợp.

- Đối với xe mô tô biển số 62P1-490.41 là tài sản của ông Nguyễn Võ Thanh D, do ông D đứng tên giấy chứng nhận đăng ký. Ngày 14/6/2023, ông D cho ông Nguyễn Văn L mượn xe để sử dụng bị các bị cáo Trần Trung N và bị cáo Trần Văn H chiếm đoạt, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông L ngày 09/9/2023. Sau đó, ông D nhận lại xe mô tô biển số 62P1-490.41 do ông L trả. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét là hoàn toàn phù hợp.

- 01 áo khoác dài tay màu xanh đen, không nhãn hiệu (loại áo có nón trùm đầu) thu giữ của bị cáo Trần Văn H; Một áo sơ mi ngắn tay màu xanh, có sọc ngang 04 màu: màu xanh da trời, màu trắng xanh lá cây, màu hồng, màu nâu, trước ngực áo bên trái có túi, có chữ GENUINE, 01 quần Jeans lửng màu xanh, có chữ FASHION JEANS và 01 nón bảo hiểm màu đỏ, trắng, có chữ VISACOOP thu giữ của bị cáo Trần Trung N là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy là hoàn toàn phù hợp.

- Đối với 03 đoạn camera ghi hình có chứa hình ảnh của H và N chiếm đoạt xe mô tô tại địa chỉ số G, ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 đoạn camera ghi hình thời lượng 10 giây, trích xuất ngày 14/6/2023 trước cửa tiệm cắt tóc hiệu M, là vật chứng liên quan đến vụ án nên tiếp tục lưu trữ hồ sơ vụ án là hoàn toàn phù hợp.

[7]. Đối với người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ có hành vi mua xe mô tô biển số 69N1-592.68 do bị cáo Trần Trung N và bị cáo Trần Văn H phạm tội mà có, không xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên không có căn cứ xử lý là hoàn toàn phù hợp.

[8]. Đối với bà Phan Thị Lệ T3 có hành vi cho bị cáo Trần Trung N mượn xe mô tô biển số 50Y1- 393.26 để sử dụng, không biết việc bị cáo N sử dụng xe làm phương tiện thực hiện tội phạm nên hành vi của bà T3 không cấu thành tội phạm có liên quan là hoàn toàn phù hợp.

[9]. *Về án phí*: Bị cáo Trần Văn H và bị cáo Trần Trung N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Trần Văn H và bị cáo Trần Trung N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. *Về điều luật áp dụng và hình phạt*:

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 58, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn H4 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/6/2023.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 58, Điều 17 và Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Trung N3 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 17/6/2023.

3. *Về tạm giam*: Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn H và bị cáo Trần Trung N 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/10/2023) để bảo đảm thi hành án.

4. *Về biện pháp tư pháp*: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo Trần Văn H nộp 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) và bị cáo Trần Trung N nộp 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) sung ngân sách Nhà nước.

5. *Về xử lý vật chứng*:

- Tịch thu tiêu hủy 01 áo khoác dài tay màu xanh đen, không nhãn hiệu (loại áo có nón trùm đầu); 01 áo sơ mi ngắn tay màu xanh, có sọc ngang 04 màu: màu xanh da trời, màu trắng xanh lá cây, màu hồng, màu nâu, trước ngực áo bên trái có túi, có chữ GENUINE; 01 quần Jeans lưng màu xanh, có chữ FASHION JEANS và 01 nón bảo hiểm màu đỏ, trắng, có chữ VISACOOP.

- Tiếp tục lưu trữ hồ sơ vụ án 03 đoạn camera ghi hình có chứa hình ảnh của bị cáo H và bị cáo N chiếm đoạt xe mô tô tại địa chỉ số G, ấp X, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và 01 đoạn camera ghi hình thời lượng 10 giây, trích xuất ngày 14/6/2023 trước cửa tiệm cắt tóc hiệu Mỹ Ngọc.

(Tang vật nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/10/2023).

6. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn H và bị cáo Trần Trung N mỗi bị cáo nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

7. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Đức Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hòa;
- Cơ quan thi hành hình sự huyện Đức Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Quốc

Nguyễn Thị R-L

Nguyễn Hữu Q